

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ – ST

Ngày 20/4/2023.

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vinh.

2. Bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Nguyên –Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 23/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 06/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Thanh L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Thanh L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Lê Thị T có tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K vào ngày 03/8/2016 trên cơ sở tự nguyện. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm, suy nghĩ. Đến năm 2019 thì chị T ra khỏi nhà đi nơi khác sinh sống nên chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay, chị T khi đó đang mang thai đứa con thứ 2 của chúng tôi, trong thời gian sống ly thân thỉnh thoảng chị T có trở về nhà để thăm con. Do không còn tình cảm với nhau nên không thể tiếp tục

duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Lê Thị T.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 đứa con chung là cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 và cháu Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020.

Hiện nay cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 đang sống cùng với tôi nên tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành.

Còn cháu Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020 hiện nay đang ở cùng chị T nên tôi nhất trí giao cháu cho mẹ nuôi dưỡng.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T mâu thuẫn trầm trọng, anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh L.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 và Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020, quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Thanh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phan Văn Tuấn A, còn cháu Phan Văn Hoàng A thì giao cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Xét thấy, nguyện vọng của anh L là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của các con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 cho anh Phan Thanh L nuôi dưỡng, giao cháu Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+ Đối với tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phan Thanh L được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Giao cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 cho anh Phan Thanh L nuôi dưỡng, giao cháu Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020 cho chị Lê Thị T cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn chị Lê Thị T mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/8/2016, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 và Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh L xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chung sống thì xác định được, vợ chồng anh L, chị T đã sống ly thân một thời gian dài. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh L, cho anh Phan Thanh L được ly hôn với chị Lê Thị T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 và Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020, quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Thanh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phan Văn Tuấn A do cháu đang sống cùng bố, còn cháu Phan Văn Hoàng A từ nhỏ đã được chị T chăm sóc, vì vậy anh L đề nghị giao cháu Hoàng Anh cho chị T nuôi

đưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Xét thấy, nguyện vọng của anh L là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của các con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 cho anh Phan Thanh L nuôi dưỡng, giao cháu Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020 cho chị Lê Thị T cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh L, chị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phan Thanh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Thanh L.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phan Thanh L được ly hôn với chị Lê Thị T.

-Về con chung: Anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T có 02 con chung là cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 và cháu Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020.

Giao cháu Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 30/01/2017 cho anh Phan Thanh L nuôi dưỡng, giao cháu Phan Văn Hoàng A, sinh ngày 05/4/2020 cho chị Lê Thị T cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Phan Thanh L và chị Lê Thị T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh L, chị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Nguyên đơn anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn anh Phan Thanh L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về án phí: Nguyên đơn anh Phan Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0016773 ngày 02/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

-Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã E, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông